

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2026/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 7 năm 2026.
2. Nghị quyết số 132/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập) Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

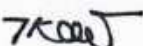
Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Danh mục các kỳ thi, cuộc thi, hội thi và các hoạt động giáo dục có tính chất kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để làm căn cứ áp dụng mức chi tại Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chỉnh



QUY ĐỊNH

**Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực
giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ sở giáo dục công lập; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý kinh phí

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.
2. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và chế độ kế toán hiện hành.
3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Chương II NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 4. Chi cho công tác đề thi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a)	Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho người tham gia soạn thảo, biên tập, hoàn thiện câu trắc nghiệm	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND Quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình	
b)	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chi tiền công xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:		
	Chủ trì xây dựng	Đồng/người /ngày	600.000
	Thành viên xây dựng	Đồng/người /ngày	420.000
	Chi tiền công phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Đồng/người /ngày	400.000
c)	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	50.000
d)	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	45.000
đ)	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	40.000
e)	Chi xây dựng đề thi thử nghiệm; tổ chức thử nghiệm và phân tích, đánh giá các đề thi sau thử nghiệm		
	Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm	Đồng/người /ngày	300.000
	Chi xây dựng đề thi gốc (Phản biện và đáp án)	Đồng/đề	900.000
	Chi xây dựng các mã đề thi	Đồng/đề	300.000
g)	Tiền công cho Hội đồng thi thử nghiệm:		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Chủ tịch	Đồng/người /ngày	350.000
	Phó Chủ tịch	Đồng/người /ngày	300.000
	Thư kí, giám thị	Đồng/người /ngày	280.000
	Nhân viên bảo vệ	Đồng/người /ngày	200.000
h)	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	28.000
i)	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	8.000
k)	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Đồng/báo cáo/môn thi	1.000.000
l)	Chi phí đi lại, tiền ăn, tiền lưu trú cho thành viên làm công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, Hội đồng thi thử nghiệm	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị; mức chi tiếp khách trong nước, chi tiếp khách nước ngoài và chi tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình	
2	Chi công tác ra đề thi		
a)	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chi tiền công xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:		
	Chủ trì xây dựng	Đồng/người /ngày	600.000
	Thành viên xây dựng	Đồng/người /ngày	420.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Chi tiền công phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Đồng/người /ngày	450.000
b)	Chi ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)		
	Thi học sinh giỏi thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi cấp quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	1.000.000
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/đề theo phân môn	700.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trường trung học phổ thông chuyên	Đồng/đề theo phân môn	700.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 hệ đại trà	Đồng/đề theo phân môn	600.000
	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác	Đồng/đề	400.000
c)	Chi ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm		
	Thi học sinh giỏi thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người /ngày	900.000
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người /ngày	600.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Đồng/người /ngày	600.000
	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác	Đồng/người /ngày	400.000
d)	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban ra đề thi		
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người /ngày	600.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó trưởng ban Thường trực	Đồng/người /ngày	540.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	500.000
	Ủy viên, thư kí	Đồng/người /ngày	420.000
	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người /ngày	350.000
	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người /ngày	230.000
3	Chi công tác in sao đề thi (Chi tiền công cho Hội đồng/Ban in sao đề thi)		
a)	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người /ngày	520.000
b)	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Đồng/người /ngày	480.000
c)	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	460.000
d)	Ủy viên, thư kí	Đồng/người /ngày	400.000
đ)	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người /ngày	350.000
e)	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người /ngày	230.000

Điều 5. Chi cho công tác tổ chức thi và công tác chấm thi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chuẩn bị tổ chức thi		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
a)	Chi công tác chuẩn bị thi (gồm: Tiếp nhận, nhập và quản lý dữ liệu, sắp xếp phòng thi, in ấn hồ sơ coi thi, xử lý hồ sơ thi và các công việc khác liên quan đến công tác chuẩn bị thi, in ấn kết quả thi, in và cấp giấy chứng nhận kết quả thi, bằng tốt nghiệp)		
	Trưởng ban	Đồng/người /ngày	320.000
	Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	260.000
	Ủy viên, thư kí	Đồng/người /ngày	230.000
b)	Chi tiền công cho Ban vận chuyển và bàn giao đề thi		
	Trưởng ban	Đồng/người /ngày	400.000
	Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	350.000
	Ủy viên	Đồng/người /ngày	300.000
	Công an, bảo vệ	Đồng/người /ngày	250.000
c)	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban coi thi/Điểm thi		
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban/Trưởng điểm	Đồng/người /ngày	400.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm	Đồng/người /ngày	350.000
	Ủy viên, thư kí, giám thị, công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người /ngày	320.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người /ngày	230.000
2	Tổ chức chấm thi		
a)	Chi tiền công cho các thành viên của Ban/Tổ làm phách		
	Trưởng ban/Tổ trưởng	Đồng/người /ngày	520.000
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Đồng/người /ngày	460.000
	Ủy viên, thư ký	Đồng/người /ngày	400.000
	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người /ngày	350.000
	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người /ngày	230.000
b)	Chi chấm bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành, bài thi tin học		
	Thi tốt nghiệp Trung học phổ thông	Đồng/người /ngày	450.000
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đồng/người /ngày	500.000
	Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển đi thi cấp quốc gia	Đồng/người /ngày	500.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 đại trà	Đồng/người /ngày	450.000
	Thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên	Đồng/người /ngày	500.000
	Chấm bài thi Olympic Tiếng anh do người nước ngoài thực hiện	Đồng/người /ngày	1.000.000
	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác	Đồng/người /ngày	350.000
c)	Chấm bài thi trắc nghiệm		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Chấm bài thi trắc nghiệm (chấm trực tiếp trên giấy)	Đồng/người /ngày	450.000
	Chấm bài thi trắc nghiệm (chấm trên máy)	Đồng/người /ngày	500.000
d)	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi):		
	Đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi, thi chọn đội tuyển quốc gia	Đồng/người/đợt chấm thi	300.000
	Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác	Đồng/người/đợt chấm thi	280.000
d)	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, Hội đồng/Ban chấm thẩm định		
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Đồng/người /ngày	520.000
	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Đồng/người /ngày	480.000
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	450.000
	Ủy viên, thư kí, kĩ thuật viên	Đồng/người /ngày	420.000
	Công an, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Đồng/người /ngày	350.000
	Công an, bảo vệ vòng ngoài	Đồng/người /ngày	230.000
3	Chi tiền công cho các thành viên của Ban Chỉ đạo thi		
a)	Trưởng ban	Đồng/người /ngày	600.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
b)	Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	520.000
c)	Ủy viên, thư kí	Đồng/người /ngày	460.000
4	Chi tiền công cho các thành viên của Hội đồng thi		
a)	Chủ tịch	Đồng/người /ngày	600.000
b)	Phó Chủ tịch	Đồng/người /ngày	500.000
c)	Ủy viên	Đồng/người /ngày	400.000
5	Chi tiền công cho các thành viên của Ban thư kí		
a)	Trưởng ban	Đồng/người /ngày	500.000
b)	Phó Trưởng ban	Đồng/người /ngày	450.000
c)	Ủy viên	Đồng/người /ngày	400.000
6	Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
a)	Chi tiền công tác phí đi công tác để thanh tra, kiểm tra	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND	
b)	Chi tiền công cho các thành viên Đoàn thanh tra/kiểm tra		
	Trưởng đoàn thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	450.000
	Phó Trưởng đoàn thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	400.000
	Đoàn viên thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	350.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Thanh tra/kiểm tra viên độc lập	Đồng/người /ngày	480.000
	Giám sát đoàn thanh tra/kiểm tra	Đồng/người /ngày	400.000

Điều 6. Chi cho các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng /Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
a)	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách		
	Tiền ăn trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Đồng/người /ngày	450.000
	Tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Đồng/người /ngày	100.000
b)	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)		
	Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)	Đồng/người /ngày	300.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)	Đồng/người /ngày	50.000
2	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ, tiền ở, tiền đi lại cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi, coi thi, chấm thi, trông coi đề thi, bài thi tại Hội đồng/Ban coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi; giáo viên và học sinh các đội dự tuyển của tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia		
a)	Tiền ăn cho các thành viên tham gia trông coi đề thi, bài thi tại Hội đồng/Ban coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi	Đồng/người /ngày	300.000
b)	Tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi; giáo viên và học sinh các đội dự tuyển của tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia	Đồng/người /ngày	50.000
c)	Chi phí đi lại, lưu trú cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi, coi thi, chấm thi tại Hội đồng/Ban coi thi, ra đề thi, in sao đề thi, chấm thi, phúc khảo bài thi; giáo viên và học sinh các đội dự tuyển của tỉnh trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
3	Chi tiền công cho nhân viên y tế, nhân viên phục vụ công tác chuẩn bị, công tác đề thi, công tác coi thi, chấm thi, phúc khảo, công tác tập huấn và tham dự kỳ thi.	Đồng/người /ngày	230.000
4	Chi tiền công cho thành viên Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp		
a)	Chủ tịch	Đồng/người /ngày	460.000
b)	Phó Chủ tịch	Đồng/người/ ngày	380.000
c)	Ủy viên, thư ký	Đồng/người/ ngày	350.000
5	Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi; thuê địa điểm thi, địa điểm tổ chức chấm thi, làm phách, coi thi, địa điểm làm việc	Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ	
6	Chi thuê phòng học, phòng thí nghiệm; thuê phương tiện đi thực tế, thực hành cho việc tập huấn các đội dự tuyển dự thi khu vực, quốc gia		
7	Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu, trang thiết bị, mẫu vật thực hành, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tập huấn các đội tuyển và tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi		

Điều 7. Chi cho công tác tập huấn và tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia, quốc tế

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác tập huấn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh và các dự án khoa học kỹ thuật dự thi khu vực, quốc gia, quốc tế; các dự án tham gia Cuộc thi Học sinh sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp cấp quốc gia; tập huấn các đội tuyển quốc gia, khu vực, quốc tế		
a)	Chi tiền công cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Đồng/người /ngày	200.000
b)	Chi tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, dạy thực hành	Đồng/tiết	300.000
c)	Chi tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Đồng/tiết	150.000
2	Chi cho công tác tham dự các kỳ thi, cuộc thi		
a)	Chi phí cho các thành viên của đoàn và học sinh tham dự các kỳ thi khu vực, quốc gia	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND	
b)	Chi hỗ trợ may đồng phục cho đoàn tham dự kỳ thi khu vực, quốc gia	Đồng/bộ/người	1.500.000
c)	Chi quà gặp mặt giáo viên trực tiếp bồi dưỡng đội tuyển và học sinh các đội tuyển học sinh giỏi, khoa học kỹ thuật tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế	Đồng/người	1.000.000

Điều 8. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ sở giáo dục tổ chức được áp dụng các nội dung chi với mức chi bằng 70% mức chi tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.